

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2021/HNST

Ngày: 08/02/2021

Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Chiến.

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thi.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bích S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 175/2D, Trần Quốc Tuấn, khu phố 2, phường 4, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 175/2D, Trần Quốc Tuấn, khu phố 2, phường 4, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu bà đã tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Thế H vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố B, tỉnh B. Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trường H1, sinh ngày 17/4/1999 và Nguyễn Thế H2 sinh ngày 23/5/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai vợ chồng đều mua bán kiếm sống. Thời gian gần đây, ông bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên gây gổ dẫn đến không còn hạnh phúc, ông H không lo cho gia đình chỉ lo cho bản thân và gây nợ bà phải bán nhà trả nợ cho ông H. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông H. Các con chung đã trưởng thành

nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh không đến nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Đặng Thị Bích S có yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân với ông Nguyễn Thế H, ông H có nơi cư trú tại phường 4, thành phố B, tỉnh B nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Bích S và ông Nguyễn Thế H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của bà S thì bà và ông H thời gian đầu sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mời ông H đến để tổ chức hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà S, điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông H

- Về con chung: Bà S ông H có 02 con chung tên Nguyễn Trường H1, sinh ngày 17/4/1999 và Nguyễn Thế H2 sinh ngày 23/5/2001 đều đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà S tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà S khai giữa bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí, vì vậy bà S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Bích S. Bà Đặng Thị Bích S được ly hôn với ông Nguyễn Thế H.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Bích S ông Nguyễn Thế H có 02 con chung tên Nguyễn Trường H1, sinh ngày 17/4/1999 và Nguyễn Thế H2 sinh ngày 23/5/2001 đều đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Bích S ông Nguyễn Thế H tự thỏa thuận nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Bà Đặng Thị Bích S khai giữa bà và ông Nguyễn Thế H không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đặng Thị Bích S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003445 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, Bà S đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THA DS Tp. Bến Tre;
- UBND phường 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở